

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
VỀ LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN KHÓA ĐH14 - HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2024 - 2025
(Áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy khóa 14)

1. Thời gian thi:

Ca 1: 8h, Ca 2: 10h, Ca 3: 13h30, Ca 4: 15h30, Ca 5: 17h30, Ca 6: 19h30.

2. Một số lưu ý:

- Căn cứ lịch thi kết học phần, các khoa phân công giảng viên ra đề thi, coi thi, chấm thi.
- Khoa/ Bộ môn, Cố vấn học tập, Chủ nhiệm lớp có trách nhiệm thông báo lịch thi tới sinh viên
- Trước khi thi 03 ngày làm việc, sinh viên xem phòng thi, danh sách thi trên website Trường và cổng thông tin sinh viên.

3. Lịch thi :

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
1	MTKA108	Hóa học phân tích	ĐH14ĐA	2	Vấn đáp	C.501	23/06/2025	Ca 5
2	MTKA108	Hóa học phân tích	ĐH14ĐA	2	Vấn đáp	C.507	23/06/2025	Ca 5
3	KĐTO115	Toán ứng dụng	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	23/06/2025	Ca 5
4	KĐTO115	Toán ứng dụng	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	23/06/2025	Ca 5
5	KĐTO115	Toán ứng dụng	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	23/06/2025	Ca 5
6	KĐTO115	Toán ứng dụng	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	23/06/2025	Ca 5
7	MTCM107	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	24/06/2025	Ca 5
8	MTCM107	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	24/06/2025	Ca 5
9	MTCM107	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	24/06/2025	Ca 5
10	MTCM107	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	24/06/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
11	MTKA178	Vi sinh vật học thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	24/06/2025	Ca 5
12	MTKA178	Vi sinh vật học thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	24/06/2025	Ca 5
13	MTKA178	Vi sinh vật học thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	24/06/2025	Ca 5
14	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	25/06/2025	Ca 2
15	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	25/06/2025	Ca 2
16	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	25/06/2025	Ca 2
17	MTKA104	Hoá kỹ thuật môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	25/06/2025	Ca 5
18	MTKA104	Hoá kỹ thuật môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	25/06/2025	Ca 5
19	MTKA104	Hoá kỹ thuật môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	25/06/2025	Ca 5
20	MTKA104	Hoá kỹ thuật môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	25/06/2025	Ca 5
21	MTKA104	Hoá kỹ thuật môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	25/06/2025	Ca 5
22	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	26/06/2025	Ca 2
23	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	26/06/2025	Ca 2
24	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	26/06/2025	Ca 2
25	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	26/06/2025	Ca 2
26	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	26/06/2025	Ca 2
27	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	26/06/2025	Ca 2
28	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14M; ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	26/06/2025	Ca 2
29	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14ĐA	2	Thực hành	A.801	27/06/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
30	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14ĐA	2	Thực hành	A.802	27/06/2025	Ca 1
31	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14ĐA	2	Thực hành	A.803	27/06/2025	Ca 1
32	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	27/06/2025	Ca 2
33	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	27/06/2025	Ca 2
34	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	27/06/2025	Ca 2
35	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	27/06/2025	Ca 2
36	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.701	28/06/2025	Ca 1
37	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.703	28/06/2025	Ca 1
38	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.704	28/06/2025	Ca 1
39	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.706	28/06/2025	Ca 1
40	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.708	28/06/2025	Ca 1
41	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.801	28/06/2025	Ca 1
42	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.802	28/06/2025	Ca 1
43	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Trắc Nghiệm	A.803	28/06/2025	Ca 1
44	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.601	28/06/2025	Ca 2
45	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.602	28/06/2025	Ca 2
46	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.603	28/06/2025	Ca 2
47	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.604	28/06/2025	Ca 2
48	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.605	28/06/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
49	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.606	28/06/2025	Ca 2
50	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.608	28/06/2025	Ca 2
51	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14M; ĐA	3	Vấn đáp	A.610	28/06/2025	Ca 2
52	KTKH101	Kinh tế vi mô	ĐH14KTTN; LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	30/06/2025	Ca 1
53	KTKH101	Kinh tế vi mô	ĐH14KTTN; LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	30/06/2025	Ca 1
54	KTKH101	Kinh tế vi mô	ĐH14KTTN; LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	30/06/2025	Ca 1
55	KTKH101	Kinh tế vi mô	ĐH14KTTN; LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	30/06/2025	Ca 1
56	KTKH101	Kinh tế vi mô	ĐH14KTTN; LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	30/06/2025	Ca 1
57	KTKH101	Kinh tế vi mô	ĐH14KTTN; LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	30/06/2025	Ca 1
58	KĐVL105	Vật lý ứng dụng	ĐH14BK	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	30/06/2025	Ca 1
59	KĐVL105	Vật lý ứng dụng	ĐH14BK	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	30/06/2025	Ca 1
60	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	30/06/2025	Ca 2
61	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	30/06/2025	Ca 2
62	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	30/06/2025	Ca 2
63	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	30/06/2025	Ca 2
64	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	30/06/2025	Ca 2
65	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	30/06/2025	Ca 2
66	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	30/06/2025	Ca 2
67	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	30/06/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
68	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	30/06/2025	Ca 2
69	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	30/06/2025	Ca 2
70	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	30/06/2025	Ca 2
71	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	30/06/2025	Ca 2
72	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	30/06/2025	Ca 2
73	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	30/06/2025	Ca 2
74	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	30/06/2025	Ca 2
75	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	30/06/2025	Ca 2
76	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	30/06/2025	Ca 2
77	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	30/06/2025	Ca 2
78	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	30/06/2025	Ca 2
79	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	30/06/2025	Ca 2
80	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	30/06/2025	Ca 2
81	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	30/06/2025	Ca 2
82	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	30/06/2025	Ca 2
83	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	30/06/2025	Ca 2
84	LCML101	Triết học Mác-Lênin	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	30/06/2025	Ca 2
85	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	30/06/2025	Ca 5
86	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	30/06/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
87	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	30/06/2025	Ca 5
88	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	30/06/2025	Ca 5
89	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	30/06/2025	Ca 5
90	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	30/06/2025	Ca 5
91	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	30/06/2025	Ca 5
92	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	30/06/2025	Ca 5
93	KĐVL107	Vật lý ứng dụng	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	30/06/2025	Ca 5
94	BKPB103	Khoa học biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Vấn đáp	A.605	01/07/2025	Ca 1
95	BKPB103	Khoa học biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Vấn đáp	A.606	01/07/2025	Ca 1
96	KTKH103	Kinh tế số	ĐH14KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	01/07/2025	Ca 1
97	KTKH103	Kinh tế số	ĐH14KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	01/07/2025	Ca 1
98	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	01/07/2025	Ca 2
99	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	01/07/2025	Ca 2
100	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	01/07/2025	Ca 2
101	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	01/07/2025	Ca 2
102	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	01/07/2025	Ca 2
103	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	01/07/2025	Ca 2
104	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	01/07/2025	Ca 2
105	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	01/07/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
106	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	01/07/2025	Ca 5
107	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	01/07/2025	Ca 5
108	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	01/07/2025	Ca 5
109	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	01/07/2025	Ca 5
110	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	01/07/2025	Ca 5
111	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	01/07/2025	Ca 5
112	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	01/07/2025	Ca 5
113	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	01/07/2025	Ca 5
114	KĐTO114	Toán ứng dụng 2	ĐH14C	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	01/07/2025	Ca 5
115	KTDL136	Tổng quan khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	01/07/2025	Ca 5
116	KTDL136	Tổng quan khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	01/07/2025	Ca 5
117	KTDL136	Tổng quan khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	01/07/2025	Ca 5
118	KTDL136	Tổng quan khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	01/07/2025	Ca 5
119	LCPL153	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	ĐH14LA1	3	Bài tập lớn	-	02/07/2025	Ca 1
120	LCPL153	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	ĐH14LA2	3	Bài tập lớn	-	02/07/2025	Ca 1
121	LCPL153	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	ĐH14LA3	3	Bài tập lớn	-	02/07/2025	Ca 1
122	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	02/07/2025	Ca 1
123	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	02/07/2025	Ca 1
124	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	02/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
125	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	02/07/2025	Ca 1
126	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	02/07/2025	Ca 1
127	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	02/07/2025	Ca 1
128	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	02/07/2025	Ca 1
129	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	02/07/2025	Ca 1
130	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	02/07/2025	Ca 1
131	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	02/07/2025	Ca 1
132	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	02/07/2025	Ca 1
133	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	02/07/2025	Ca 1
134	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	02/07/2025	Ca 2
135	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	02/07/2025	Ca 2
136	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	02/07/2025	Ca 2
137	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	02/07/2025	Ca 2
138	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	02/07/2025	Ca 2
139	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	02/07/2025	Ca 2
140	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	02/07/2025	Ca 2
141	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	02/07/2025	Ca 2
142	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	02/07/2025	Ca 2
143	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	02/07/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
144	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	02/07/2025	Ca 2
145	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	02/07/2025	Ca 2
146	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	02/07/2025	Ca 5
147	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	02/07/2025	Ca 5
148	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	02/07/2025	Ca 5
149	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	02/07/2025	Ca 5
150	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14MK	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	02/07/2025	Ca 5
151	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	03/07/2025	Ca 1
152	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	03/07/2025	Ca 1
153	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	03/07/2025	Ca 1
154	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	03/07/2025	Ca 1
155	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	03/07/2025	Ca 1
156	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	03/07/2025	Ca 1
157	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	03/07/2025	Ca 1
158	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	03/07/2025	Ca 1
159	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	03/07/2025	Ca 1
160	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	03/07/2025	Ca 1
161	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	03/07/2025	Ca 2
162	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	03/07/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
163	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	03/07/2025	Ca 2
164	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	03/07/2025	Ca 2
165	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	03/07/2025	Ca 2
166	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	03/07/2025	Ca 2
167	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	03/07/2025	Ca 2
168	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	03/07/2025	Ca 2
169	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	03/07/2025	Ca 2
170	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	03/07/2025	Ca 2
171	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	03/07/2025	Ca 3
172	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	03/07/2025	Ca 3
173	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	03/07/2025	Ca 3
174	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	03/07/2025	Ca 3
175	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	03/07/2025	Ca 3
176	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	03/07/2025	Ca 3
177	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	03/07/2025	Ca 3
178	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	03/07/2025	Ca 3
179	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	03/07/2025	Ca 3
180	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	03/07/2025	Ca 3
181	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	03/07/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
182	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	03/07/2025	Ca 4
183	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	03/07/2025	Ca 4
184	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	03/07/2025	Ca 4
185	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	03/07/2025	Ca 4
186	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	03/07/2025	Ca 4
187	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	03/07/2025	Ca 4
188	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	03/07/2025	Ca 4
189	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	03/07/2025	Ca 4
190	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	03/07/2025	Ca 4
191	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	04/07/2025	Ca 1
192	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	04/07/2025	Ca 1
193	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	04/07/2025	Ca 1
194	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	04/07/2025	Ca 1
195	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	04/07/2025	Ca 1
196	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	04/07/2025	Ca 1
197	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	04/07/2025	Ca 1
198	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	04/07/2025	Ca 1
199	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	04/07/2025	Ca 1
200	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	04/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
201	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	04/07/2025	Ca 2
202	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	04/07/2025	Ca 2
203	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	04/07/2025	Ca 2
204	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	04/07/2025	Ca 2
205	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	04/07/2025	Ca 2
206	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	04/07/2025	Ca 2
207	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	04/07/2025	Ca 2
208	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	04/07/2025	Ca 2
209	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	04/07/2025	Ca 2
210	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	04/07/2025	Ca 2
211	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	04/07/2025	Ca 3
212	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	04/07/2025	Ca 3
213	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	04/07/2025	Ca 3
214	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	04/07/2025	Ca 3
215	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	04/07/2025	Ca 3
216	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	04/07/2025	Ca 3
217	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	04/07/2025	Ca 3
218	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	04/07/2025	Ca 3
219	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	04/07/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
220	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	04/07/2025	Ca 3
221	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.708	04/07/2025	Ca 4
222	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.803	04/07/2025	Ca 4
223	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.806	04/07/2025	Ca 4
224	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.804	04/07/2025	Ca 4
225	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.801	04/07/2025	Ca 4
226	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.802	04/07/2025	Ca 4
227	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.701	04/07/2025	Ca 4
228	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.706	04/07/2025	Ca 4
229	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.704	04/07/2025	Ca 4
230	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Trắc Nghiệm	A.703	04/07/2025	Ca 4
231	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	05/07/2025	Ca 1
232	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	05/07/2025	Ca 1
233	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	05/07/2025	Ca 1
234	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	05/07/2025	Ca 1
235	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	05/07/2025	Ca 1
236	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	05/07/2025	Ca 1
237	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	05/07/2025	Ca 1
238	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	05/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
239	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	05/07/2025	Ca 1
240	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	05/07/2025	Ca 1
241	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	05/07/2025	Ca 2
242	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	05/07/2025	Ca 2
243	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	05/07/2025	Ca 2
244	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	05/07/2025	Ca 2
245	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	05/07/2025	Ca 2
246	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	05/07/2025	Ca 2
247	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	05/07/2025	Ca 2
248	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	05/07/2025	Ca 2
249	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	05/07/2025	Ca 2
250	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	05/07/2025	Ca 2
251	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	05/07/2025	Ca 3
252	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	05/07/2025	Ca 3
253	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	05/07/2025	Ca 3
254	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	05/07/2025	Ca 3
255	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	05/07/2025	Ca 3
256	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	05/07/2025	Ca 3
257	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	05/07/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
258	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	05/07/2025	Ca 3
259	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	05/07/2025	Ca 3
260	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	05/07/2025	Ca 3
261	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	05/07/2025	Ca 4
262	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	05/07/2025	Ca 4
263	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	05/07/2025	Ca 4
264	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	05/07/2025	Ca 4
265	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	05/07/2025	Ca 4
266	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	05/07/2025	Ca 4
267	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	05/07/2025	Ca 4
268	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	05/07/2025	Ca 4
269	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	05/07/2025	Ca 4
270	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	05/07/2025	Ca 4
271	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	06/07/2025	Ca 1
272	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	06/07/2025	Ca 1
273	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	06/07/2025	Ca 1
274	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	06/07/2025	Ca 1
275	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	06/07/2025	Ca 1
276	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	06/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
277	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	06/07/2025	Ca 1
278	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	06/07/2025	Ca 1
279	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	06/07/2025	Ca 1
280	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	06/07/2025	Ca 1
281	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	06/07/2025	Ca 2
282	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	06/07/2025	Ca 2
283	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	06/07/2025	Ca 2
284	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	06/07/2025	Ca 2
285	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	06/07/2025	Ca 2
286	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	06/07/2025	Ca 2
287	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	06/07/2025	Ca 2
288	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	06/07/2025	Ca 2
289	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	06/07/2025	Ca 2
290	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	06/07/2025	Ca 2
291	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	06/07/2025	Ca 3
292	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	06/07/2025	Ca 3
293	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	06/07/2025	Ca 3
294	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	06/07/2025	Ca 3
295	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	06/07/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
296	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	06/07/2025	Ca 3
297	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	06/07/2025	Ca 3
298	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	06/07/2025	Ca 3
299	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	06/07/2025	Ca 3
300	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	06/07/2025	Ca 3
301	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.603	06/07/2025	Ca 4
302	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.606	06/07/2025	Ca 4
303	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.610	06/07/2025	Ca 4
304	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.608	06/07/2025	Ca 4
305	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.604	06/07/2025	Ca 4
306	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.605	06/07/2025	Ca 4
307	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.508	06/07/2025	Ca 4
308	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.602	06/07/2025	Ca 4
309	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.601	06/07/2025	Ca 4
310	NNTA165	Ngoại ngữ 2	ĐH14	3	Vấn đáp	A.510	06/07/2025	Ca 4
311	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	07/07/2025	Ca 1
312	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	07/07/2025	Ca 1
313	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	07/07/2025	Ca 1
314	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	07/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
315	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	07/07/2025	Ca 1
316	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	07/07/2025	Ca 1
317	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	07/07/2025	Ca 1
318	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	07/07/2025	Ca 1
319	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	07/07/2025	Ca 1
320	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	07/07/2025	Ca 1
321	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	07/07/2025	Ca 1
322	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	07/07/2025	Ca 1
323	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	07/07/2025	Ca 1
324	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	07/07/2025	Ca 1
325	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	07/07/2025	Ca 1
326	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	07/07/2025	Ca 1
327	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	07/07/2025	Ca 1
328	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	07/07/2025	Ca 1
329	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	07/07/2025	Ca 1
330	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	07/07/2025	Ca 1
331	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	07/07/2025	Ca 1
332	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	07/07/2025	Ca 1
333	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	07/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
334	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	07/07/2025	Ca 1
335	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	07/07/2025	Ca 1
336	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	07/07/2025	Ca 1
337	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	07/07/2025	Ca 1
338	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	07/07/2025	Ca 1
339	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	07/07/2025	Ca 1
340	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	07/07/2025	Ca 1
341	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	07/07/2025	Ca 1
342	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	07/07/2025	Ca 1
343	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	07/07/2025	Ca 1
344	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	07/07/2025	Ca 1
345	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	07/07/2025	Ca 1
346	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	07/07/2025	Ca 1
347	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	07/07/2025	Ca 1
348	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	07/07/2025	Ca 2
349	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	07/07/2025	Ca 2
350	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	07/07/2025	Ca 2
351	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	07/07/2025	Ca 2
352	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	07/07/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
353	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	07/07/2025	Ca 2
354	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	07/07/2025	Ca 2
355	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	07/07/2025	Ca 2
356	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	07/07/2025	Ca 2
357	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	07/07/2025	Ca 2
358	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	07/07/2025	Ca 2
359	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	07/07/2025	Ca 2
360	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	07/07/2025	Ca 2
361	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	07/07/2025	Ca 2
362	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	07/07/2025	Ca 2
363	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	07/07/2025	Ca 2
364	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	07/07/2025	Ca 2
365	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	07/07/2025	Ca 2
366	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	07/07/2025	Ca 2
367	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	07/07/2025	Ca 2
368	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	07/07/2025	Ca 2
369	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	07/07/2025	Ca 2
370	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	07/07/2025	Ca 2
371	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	07/07/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
372	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	07/07/2025	Ca 2
373	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	07/07/2025	Ca 2
374	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	07/07/2025	Ca 2
375	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	07/07/2025	Ca 2
376	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	07/07/2025	Ca 2
377	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	07/07/2025	Ca 2
378	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	07/07/2025	Ca 2
379	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	07/07/2025	Ca 2
380	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	07/07/2025	Ca 2
381	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	07/07/2025	Ca 2
382	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	07/07/2025	Ca 2
383	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	07/07/2025	Ca 2
384	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	07/07/2025	Ca 2
385	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	07/07/2025	Ca 2
386	BKPB104	Khoa học bền vững	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.308	08/07/2025	Ca 1
387	BKPB104	Khoa học bền vững	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	08/07/2025	Ca 1
388	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	08/07/2025	Ca 1
389	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	08/07/2025	Ca 1
390	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	08/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
391	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	08/07/2025	Ca 1
392	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	08/07/2025	Ca 1
393	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	08/07/2025	Ca 1
394	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	08/07/2025	Ca 1
395	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	08/07/2025	Ca 1
396	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	08/07/2025	Ca 1
397	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	08/07/2025	Ca 1
398	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	08/07/2025	Ca 1
399	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	08/07/2025	Ca 1
400	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	08/07/2025	Ca 1
401	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	08/07/2025	Ca 1
402	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	08/07/2025	Ca 1
403	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	08/07/2025	Ca 1
404	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	08/07/2025	Ca 1
405	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	08/07/2025	Ca 1
406	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	08/07/2025	Ca 1
407	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	08/07/2025	Ca 1
408	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	08/07/2025	Ca 1
409	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	08/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
410	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	08/07/2025	Ca 1
411	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	08/07/2025	Ca 1
412	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.806	08/07/2025	Ca 1
413	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.701	08/07/2025	Ca 1
414	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.703	08/07/2025	Ca 1
415	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.704	08/07/2025	Ca 1
416	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.706	08/07/2025	Ca 1
417	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.708	08/07/2025	Ca 1
418	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.801	08/07/2025	Ca 1
419	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.802	08/07/2025	Ca 1
420	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.804	08/07/2025	Ca 1
421	KĐTO119	Toán rời rạc	ĐH14C	3	Trắc Nghiệm	A.803	08/07/2025	Ca 1
422	NNTA153	Ngữ âm tiếng Anh 1	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	08/07/2025	Ca 2
423	NNTA153	Ngữ âm tiếng Anh 1	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	08/07/2025	Ca 2
424	NNTA153	Ngữ âm tiếng Anh 1	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	08/07/2025	Ca 2
425	NNTA153	Ngữ âm tiếng Anh 1	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	08/07/2025	Ca 2
426	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	08/07/2025	Ca 2
427	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	08/07/2025	Ca 2
428	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	08/07/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
429	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	08/07/2025	Ca 2
430	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	08/07/2025	Ca 2
431	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	08/07/2025	Ca 2
432	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	08/07/2025	Ca 2
433	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	08/07/2025	Ca 2
434	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	08/07/2025	Ca 2
435	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	08/07/2025	Ca 2
436	KĐTO116	Toán ứng dụng	ĐH14KTTN; QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	08/07/2025	Ca 2
437	KĐTO112	Toán ứng dụng 2	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	08/07/2025	Ca 2
438	KĐTO112	Toán ứng dụng 2	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	08/07/2025	Ca 2
439	KĐTO112	Toán ứng dụng 2	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	08/07/2025	Ca 2
440	KĐTO112	Toán ứng dụng 2	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	08/07/2025	Ca 2
441	KBHC101	Hải dương học đại cương	ĐH14QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	08/07/2025	Ca 4
442	TNTM124	Tài nguyên nước mặt đại cương	ĐH14TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	08/07/2025	Ca 4
443	LCPL152	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	08/07/2025	Ca 5
444	LCPL152	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	08/07/2025	Ca 5
445	LCPL152	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	08/07/2025	Ca 5
446	LCPL152	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	08/07/2025	Ca 5
447	NNTA157	Ngoại ngữ 2	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	09/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
448	NNTA157	Ngoại ngữ 2	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	09/07/2025	Ca 1
449	NNTA157	Ngoại ngữ 2	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	09/07/2025	Ca 1
450	NNTA157	Ngoại ngữ 2	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	09/07/2025	Ca 1
451	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	09/07/2025	Ca 1
452	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	09/07/2025	Ca 1
453	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	09/07/2025	Ca 1
454	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	09/07/2025	Ca 1
455	KĐHH103	Hóa học ứng dụng	ĐH14TNN; SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	09/07/2025	Ca 2
456	KĐHH103	Hóa học ứng dụng	ĐH14TNN; SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	09/07/2025	Ca 2
457	KĐVL106	Vật lý ứng dụng	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	09/07/2025	Ca 2
458	KĐVL106	Vật lý ứng dụng	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	09/07/2025	Ca 2
459	ĐCĐK101	Địa chất đại cương	ĐH14KĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	09/07/2025	Ca 2
460	KVKT150	Khí tượng và khí hậu đại cương	ĐH14T	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	09/07/2025	Ca 4
461	KVTV169	Thủy văn đại cương	ĐH14T	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	09/07/2025	Ca 4
462	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14BĐS; QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	09/07/2025	Ca 4
463	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14BĐS; QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	09/07/2025	Ca 4
464	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14BĐS; QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	09/07/2025	Ca 4
465	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14BĐS; QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	09/07/2025	Ca 4
466	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14BĐS; QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	09/07/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
467	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14BDS; QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	09/07/2025	Ca 4
468	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	09/07/2025	Ca 5
469	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	09/07/2025	Ca 5
470	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	09/07/2025	Ca 5
471	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	09/07/2025	Ca 5
472	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	09/07/2025	Ca 5
473	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	09/07/2025	Ca 5
474	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	09/07/2025	Ca 5
475	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	09/07/2025	Ca 5
476	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	09/07/2025	Ca 5
477	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	09/07/2025	Ca 5
478	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	09/07/2025	Ca 5
479	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	09/07/2025	Ca 5
480	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	09/07/2025	Ca 5
481	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	09/07/2025	Ca 5
482	QĐKQ103	Khoa học đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	09/07/2025	Ca 5
483	LCPL108	Luật Hiến pháp	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	09/07/2025	Ca 5
484	LCPL108	Luật Hiến pháp	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	09/07/2025	Ca 5
485	LCPL108	Luật Hiến pháp	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	09/07/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
486	LCPL108	Luật Hiến pháp	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	09/07/2025	Ca 5
487	KTKD166	Thương mại điện tử	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	09/07/2025	Ca 5
488	KTKD166	Thương mại điện tử	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	09/07/2025	Ca 5
489	KTKD166	Thương mại điện tử	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	09/07/2025	Ca 5
490	KTKD166	Thương mại điện tử	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	09/07/2025	Ca 5
491	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (60 phút)	A.605	10/07/2025	Ca 1
492	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (60 phút)	A.606	10/07/2025	Ca 1
493	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (60 phút)	A.608	10/07/2025	Ca 1
494	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (60 phút)	A.610	10/07/2025	Ca 1
495	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	10/07/2025	Ca 1
496	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	10/07/2025	Ca 1
497	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	10/07/2025	Ca 1
498	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	10/07/2025	Ca 1
499	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	10/07/2025	Ca 1
500	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	10/07/2025	Ca 1
501	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	10/07/2025	Ca 1
502	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	10/07/2025	Ca 1
503	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	10/07/2025	Ca 1
504	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	10/07/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
505	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	10/07/2025	Ca 1
506	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	10/07/2025	Ca 1
507	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	10/07/2025	Ca 1
508	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	10/07/2025	Ca 1
509	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	10/07/2025	Ca 1
510	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	10/07/2025	Ca 1
511	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	10/07/2025	Ca 1
512	KTDL101	Tổng quan du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	10/07/2025	Ca 1
513	KTDL101	Tổng quan du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	10/07/2025	Ca 1
514	KTDL101	Tổng quan du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	10/07/2025	Ca 1
515	KTDL101	Tổng quan du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	10/07/2025	Ca 1
516	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.605	10/07/2025	Ca 2
517	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.606	10/07/2025	Ca 2
518	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.608	10/07/2025	Ca 2
519	NNTA118	Nghe - Nói 2	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.610	10/07/2025	Ca 2
520	KĐHH107	Phương pháp thí nghiệm hóa lý	ĐH14SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	10/07/2025	Ca 2
521	KBHC112	Khí tượng thủy văn biển đại cương	ĐH14QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	10/07/2025	Ca 4
522	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	10/07/2025	Ca 4
523	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	10/07/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
524	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	10/07/2025	Ca 4
525	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	10/07/2025	Ca 4
526	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	10/07/2025	Ca 4
527	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	10/07/2025	Ca 4
528	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	10/07/2025	Ca 4
529	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	10/07/2025	Ca 4
530	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	10/07/2025	Ca 4
531	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	10/07/2025	Ca 4
532	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	10/07/2025	Ca 4
533	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	10/07/2025	Ca 4
534	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	10/07/2025	Ca 4
535	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	10/07/2025	Ca 4
536	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	10/07/2025	Ca 4
537	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	10/07/2025	Ca 4
538	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	10/07/2025	Ca 4
539	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	10/07/2025	Ca 4
540	KTKD105	Quản trị học	ĐH14	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	10/07/2025	Ca 4
541	KVKT101	Thiên văn	ĐH14K	2	Trắc Nghiệm	A.706	10/07/2025	Ca 4
542	TNTĐ105	Tài nguyên nước dưới đất đại cương	ĐH14TNN	2	Trắc Nghiệm	A.701	10/07/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
543	LCML104	Logic học	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	10/07/2025	Ca 5
544	LCML104	Logic học	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	10/07/2025	Ca 5
545	LCML104	Logic học	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	10/07/2025	Ca 5
546	LCML104	Logic học	ĐH14LA	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	10/07/2025	Ca 5
547	KBHC104	Tham quan nhận thức và hướng nghiệp sinh viên	ĐH14QB	3	Báo Cáo	-	11/07/2025	Ca 1
548	ĐCĐK102	Thực tập địa chất đại cương ngoài trời	ĐH14KĐ	2	Báo Cáo	-	11/07/2025	Ca 1
549	NNTA119	Đọc - Viết 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.605	11/07/2025	Ca 1
550	NNTA119	Đọc - Viết 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.606	11/07/2025	Ca 1
551	NNTA119	Đọc - Viết 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.608	11/07/2025	Ca 1
552	NNTA119	Đọc - Viết 2	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.610	11/07/2025	Ca 1
553	TBBV101	Cơ sở bản đồ	ĐH14TĐ	4	Tự Luận (90 phút)	A.608	11/07/2025	Ca 2
554	TBBV101	Cơ sở bản đồ	ĐH14TĐ	4	Tự Luận (90 phút)	A.610	11/07/2025	Ca 2
555	MTKA165	Vi sinh vật học	ĐH14SH	2	Thực hành	C.501	11/07/2025	Ca 2
556	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	11/07/2025	Ca 4
557	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	11/07/2025	Ca 4
558	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.410	11/07/2025	Ca 4
559	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	11/07/2025	Ca 4
560	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	11/07/2025	Ca 4
561	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.106	11/07/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
562	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	11/07/2025	Ca 4
563	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	11/07/2025	Ca 4
564	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	11/07/2025	Ca 4
565	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	11/07/2025	Ca 4
566	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	11/07/2025	Ca 4
567	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	11/07/2025	Ca 4
568	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	11/07/2025	Ca 4
569	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	11/07/2025	Ca 4
570	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	11/07/2025	Ca 4
571	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	11/07/2025	Ca 4
572	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	11/07/2025	Ca 4
573	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	11/07/2025	Ca 4
574	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	11/07/2025	Ca 4
575	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	11/07/2025	Ca 4
576	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	11/07/2025	Ca 4
577	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	11/07/2025	Ca 4
578	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	11/07/2025	Ca 4
579	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	11/07/2025	Ca 4
580	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	11/07/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
581	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	11/07/2025	Ca 4
582	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	11/07/2025	Ca 4
583	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	11/07/2025	Ca 4
584	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	11/07/2025	Ca 4
585	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	11/07/2025	Ca 4
586	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	11/07/2025	Ca 4
587	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	11/07/2025	Ca 4
588	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	11/07/2025	Ca 4
589	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	11/07/2025	Ca 4
590	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	11/07/2025	Ca 4
591	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	11/07/2025	Ca 4
592	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	11/07/2025	Ca 4
593	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	11/07/2025	Ca 4
594	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	11/07/2025	Ca 4
595	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	11/07/2025	Ca 4
596	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	11/07/2025	Ca 4
597	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH14QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	11/07/2025	Ca 5
598	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH14QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	11/07/2025	Ca 5
599	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH14QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	11/07/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
600	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH14QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	11/07/2025	Ca 5
601	KTKD106	Thương mại điện tử	ĐH14QTKD	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	11/07/2025	Ca 5
602	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.901	12/07/2025	Ca 1
603	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.902	12/07/2025	Ca 1
604	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.801	12/07/2025	Ca 1
605	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.904	12/07/2025	Ca 1
606	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.804	12/07/2025	Ca 1
607	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.903	12/07/2025	Ca 1
608	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.802	12/07/2025	Ca 1
609	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.810	12/07/2025	Ca 1
610	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.803	12/07/2025	Ca 1
611	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.808	12/07/2025	Ca 1
612	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.810	12/07/2025	Ca 3
613	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.904	12/07/2025	Ca 3
614	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.802	12/07/2025	Ca 3
615	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.901	12/07/2025	Ca 3
616	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.804	12/07/2025	Ca 3
617	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.801	12/07/2025	Ca 3
618	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.902	12/07/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
619	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.808	12/07/2025	Ca 3
620	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.803	12/07/2025	Ca 3
621	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.903	12/07/2025	Ca 3
622	TNTĐ132	Tham quan nhận thức (kiến tập)	ĐH14TNN	2	Báo Cáo	-	13/07/2025	Ca 1
623	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.804	13/07/2025	Ca 1
624	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.801	13/07/2025	Ca 1
625	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.903	13/07/2025	Ca 1
626	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.808	13/07/2025	Ca 1
627	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.803	13/07/2025	Ca 1
628	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.902	13/07/2025	Ca 1
629	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.810	13/07/2025	Ca 1
630	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.802	13/07/2025	Ca 1
631	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.904	13/07/2025	Ca 1
632	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.901	13/07/2025	Ca 1
633	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.804	13/07/2025	Ca 3
634	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.810	13/07/2025	Ca 3
635	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.803	13/07/2025	Ca 3
636	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.902	13/07/2025	Ca 3
637	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.802	13/07/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
638	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.901	13/07/2025	Ca 3
639	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.801	13/07/2025	Ca 3
640	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.903	13/07/2025	Ca 3
641	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.904	13/07/2025	Ca 3
642	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14	2	Thực hành	A.808	13/07/2025	Ca 3

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- PHT Vũ Danh Tuyên (để báo cáo);
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Cổng thông tin sinh viên;
- Lưu VT, ĐT.VA (2).

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lưu Văn Huyền